TÒA ÁN NHÂN DÂN T.P PHỔ YÊN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 99/2022/QĐST-HN&GĐ	*Phổ Yên, ngày 09 tháng 6 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số:106/2022/TLST–HN&GĐ, ngày 28 tháng 4 năm 2022 giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị B , sinh năm 1987

ĐKHK: Xóm Tân Lập, xã Minh Đức, TP Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân H , sinh năm 1989

ĐKHK: Xóm Tân Lập, xã Minh Đức, TP Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào Điều 147, khoản 1, 2 Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân & gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 6 năm 2022;

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 6 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị B và anh Nguyễn Xuân H .

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị B và anh Nguyễn Xuân H xác định tình cảm vợ chồng không còn, khó có cơ hội đoàn tụ xây dựng cuộc sống chung. Đều nhất trí thỏa thuận thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị B và anh Nguyễn Xuân H xác định quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung là cháu: Nguyễn Thị H , sinh ngày 10/9/2013. Chị B và anh H thoả thuận về người trực tiếp nuôi dưỡng con chung như sau:

Giao con chung: cháu Nguyễn Thị H , sinh ngày 10/9/2013, cho chị Nguyễn Thị B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị B không yêu cầu anh Hậu có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh Hậu cho đến khi có yêu cầu.

Sau khi ly hôn bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở họ thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

2.3. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

2.4. Về nợ chung, khoản cho vay chung: Không có.

2.5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị B và anh Nguyễn Xuân H thỏa thuận: chị Bình tự nguyện nhận nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng). Chị B được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* theo biên lai thu số 00021853 ngày 28/49/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phổ Yên. Chị B được trả lại 150.000đ *(Một trăm năm mươi ngàn đồng).*

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND T.P Phổ Yên;
- THADS T.P Phổ Yên;
- Cổng thông tin điện tử của Tòa án;
- UBND xã Nam Viên, TX Phúc Yên, Vĩnh Phúc (Số ĐKKH: 70/2011, ngày 04/11/2011);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Hà